



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2017 đến ngày 30/06/2017



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2017 đến ngày 30/06/2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.147.952.874.764	1.305.348.707.650
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	16.741.517.712	254.451.111.627
111	1. Tiền		14.535.890.935	90.746.869.576
112	2. Các khoản tương đương tiền		2.205.626.777	163.704.242.051
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	11.968.540.785	17.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		11.968.540.785	17.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		999.936.189.265	877.792.117.301
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	516.188.331.511	227.299.272.983
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	439.956.178.764	594.890.875.116
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	47.591.460.421	59.290.561.594
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(3.799.781.431)	(3.688.592.392)
140	IV. Hàng tồn kho	8	107.134.962.949	126.865.583.767
141	1. Hàng tồn kho		107.134.962.949	126.865.583.767
149	1. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		12.171.664.053	29.239.894.955
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	8.412.713.832	8.891.864.437
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		3.406.579.139	12.669.871.295
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	352.371.082	7.678.159.223
154	3. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
155	3. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		973.009.349.948	929.215.075.985
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
211	0. Phải thu dài hạn của khách hàng	5	-	-
219	0. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)		-	-
220	II. Tài sản cố định		249.198.652.795	272.675.170.946
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	165.964.374.886	185.899.729.507
222	- Nguyên giá		224.194.000.251	239.769.888.824
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(58.229.625.365)	(53.870.159.317)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	83.234.277.909	86.775.441.439
228	- Nguyên giá		83.279.277.909	86.820.441.439
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(45.000.000)	(45.000.000)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	9	135.676.503.875	60.380.817.701
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		135.676.503.875	60.380.817.701
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	222.323.022.303	200.547.912.600

ST: 01
C
C
XUẤT
QUA
CỔ ĐANG

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2017 đến ngày 30/06/2017

253	1.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		295.089.294.645	295.089.294.645
254	2.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)		(82.841.272.342)	(94.541.382.045)
255	3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		10.075.000.000	-
260		VI. Tài sản dài hạn khác		365.811.170.975	395.611.174.738
261	1.	Chi phí trả trước dài hạn	12	300.850.295.306	326.753.467.751
269	2.	Lợi thế thương mại		64.960.875.669	68.857.706.987
270		TỔNG CỘNG TÀI SẢN		<u>2.120.962.224.712</u>	<u>2.234.563.783.635</u>

20073
CÔNG
CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP
KHẨU QUẢNG BÌNH
G.T.P.H

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2017 đến ngày 30/06/2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.249.568.242.985	1.406.479.109.320
310	I. Nợ ngắn hạn		888.741.832.985	1.104.393.874.235
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	104.679.485.937	233.053.534.423
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		3.616.701.691	2.032.192.077
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	5.155.614.056	438.026.795
314	4. Phải trả người lao động		228.769.703	823.374.808
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	-	348.628.543
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	-
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	32.913.198.880	9.285.704.139
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	737.574.576.131	854.806.253.986
321	7. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		4.573.486.587	3.606.159.464
323	8. Quỹ bình ổn giá		-	-
324	8. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
330	II. Nợ dài hạn		360.826.410.000	302.085.235.085
337	1. Phải trả dài hạn khác	16	32.500.000	47.500.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	17	360.793.910.000	302.037.735.085
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		871.393.981.727	828.084.674.315
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	871.393.981.727	828.084.674.315
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		693.299.280.000	693.299.280.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		693.299.280.000	693.299.280.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(3.249.100.000)	(3.001.100.000)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		9.761.921.400	7.727.786.496
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		123.328.542.449	80.151.676.197
421a	LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước		77.593.414.570	68.306.032.587
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		45.735.127.879	11.845.643.610
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		48.253.337.878	49.907.031.622
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.120.962.224.712	2.234.563.783.635

Trần Thị Yên Chi
Người lậpBùi Thị Ngọc
Kế toán trưởngNguyễn Thị Thanh Hương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 29 tháng 07 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2017 đến ngày 30/06/2017
Báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01/04/2017 đến ngày 30/06/2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý II/2017	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý II/2017	Quý II/2016	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý II/2016
				VND		VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	961.531.658.172	1.822.676.927.048	1.264.356.324.974	2.686.965.962.372
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu			-		-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		961.531.658.172	1.822.676.927.048	1.264.356.324.974	2.686.965.962.372
11	4. Giá vốn hàng bán	20	902.400.500.454	1.719.512.743.177	1.221.019.295.272	2.577.164.716.217
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		59.131.157.718	103.164.183.871	43.337.029.702	109.801.246.155
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.934.470.822	6.622.891.363	9.306.227.348	16.363.934.873
22	7. Chi phí tài chính	22	12.350.532.292	19.830.510.241	57.837.515.954	75.570.285.923
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		13.356.335.326	28.438.051.471	15.224.362.952	29.787.988.107
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết			-		-
25	9. Chi phí bán hàng	23	6.182.713.033	15.848.093.966	6.610.246.577	23.290.329.932
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	8.332.303.373	17.379.329.769	10.885.046.496	18.429.535.922
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		37.200.079.842	56.729.141.258	(22.689.551.977)	8.875.029.251
31	12. Thu nhập khác	25	16.735.441.109	19.060.719.217	470.846.349	999.839.157
32	13. Chi phí khác	26	18.343.601.968	18.602.945.100	220.914.218	230.901.292
40	14. Lợi nhuận khác		(1.608.160.859)	457.774.117	249.932.131	768.937.865
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		35.591.918.983	57.186.915.375	(22.439.619.846)	9.643.967.116
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	27	7.547.965.863	12.544.736.013		3.401.504.116
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		28.043.953.120	44.642.179.362	(22.439.619.846)	6.242.463.000
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		28.043.953.120	45.735.127.879		7.102.738.825



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2017 đến ngày 30/06/2017

62 20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát

(1.092.948.517)

(860.275.825)

70 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

660

111



Trần Thị Yên Chi
Người lập

Bùi Thị Ngọc
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Hương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 29 tháng 07 năm 2017



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2017 đến ngày 30/06/2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		57.186.915.375	9.643.967.116
	6. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		11.649.288.326	3.968.668.775
03	- Các khoản dự phòng		(11.588.920.664)	42.767.881.287
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(892.367)	90.959.675
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(556.828.676)	(2.638.574.090)
06	- Chi phí lãi vay		28.438.051.471	29.787.988.107
08	12 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		85.127.613.465	83.620.890.870
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(84.940.997.308)	390.910.463.734
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		19.730.620.818	120.856.675.122
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(111.869.477.592)	(68.144.938.141)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		26.382.323.050	(322.367.438.836)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(28.786.680.014)	(29.103.543.663)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(309.642.353)	(17.671.315.649)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(94.666.239.934)	158.100.793.437
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền nhĩ để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(124.399.022.032)	(116.955.325.457)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		17.000.000.000	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(10.075.000.000)	(3.600.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của		7.000.000.000	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(56.713.780.885)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		24.000.000.000	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.152.258.852	2.809.694.527
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(84.322.563.180)	(174.459.311.815)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		(248.000.000)	-
32	1. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại		-	-

12007
ÔNG
3° PHA
NHẬP
V. B. BÌNH
T. P. H. A.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Dạch Dằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2017 đến ngày 30/06/2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
			VND	VND
33	2. Tiền thu từ đi vay		1.242.336.457.246	1.495.889.454.340
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(1.300.811.960.186)	(1.726.013.685.589)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(30.517.800.125)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(58.723.502.940)	(260.642.031.374)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(237.712.306.054)	(277.000.549.752)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		254.451.111.627	350.115.550.587
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		2.712.139	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	16.741.517.712	73.115.000.835

Trần Thị Yến Chi
Người lậpBùi Thị Ngọc
Kế toán trưởngNguyễn Thị Thanh Hương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 29 tháng 07 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2017 đến ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01/04/2017 đến ngày 30/06/2017

I . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0200730878 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 12 tháng 03 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 28 ngày 05 tháng 04 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng,

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 639.999.280.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 693.299.280.000 đồng; tương đương 69.329.928 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm về phân bón và hóa chất. Trong đó, hoạt động xuất khẩu DAP của Công ty chiếm 60% sản lượng xuất khẩu của cả nước, đồng thời, hoạt động nhập khẩu, phân phối Lưu huỳnh, axit Sulfuric của Công ty cũng chiếm 40%-50% thị phần tại Việt Nam. Ngoài ra, Công ty đã mở rộng đầu tư nhà máy sản xuất phân bón NPK với công suất 80.000 tấn/năm và đầu tư hệ thống kho bãi ngoại quan như cảng ICD Đình Vũ.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;
- Bán buôn phân bón; Bán buôn hoá chất thông thường (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Sản xuất phân bón và hợp chất Nitơ.

Cấu trúc Tập đoàn

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2017 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Quảng Bình Cao Bằng	Phục Hòa, Cao Bằng	98,00%	98,00%	Kinh doanh thương mại các sản phẩm phục vụ nông nghiệp
Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa Chất	Hà Nội	36,29%	51,00%	Kinh doanh các sản phẩm phân bón, hóa chất

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2017 đến ngày 30/06/2017

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2017 đến ngày 30/06/2017

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản tại ngày góp vốn hoặc Khi nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Nếu Công ty áp dụng tỷ giá thực tế là tỷ giá xấp xỉ thì tỷ giá này chênh lệch không quá 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

32007
CÔNG
TY PHẢI
HẬP KH
QUẢNG
BÌNH
PHẢI P

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết mua trong kỳ bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh” và “Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết”. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Giá trị của cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý đối với cổ phiếu của công ty niêm yết là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán, đối với cổ phiếu chưa niêm yết giao dịch trên sàn UPCOM là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM, đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác là giá thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

2.10 . Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính và Bất động sản đầu tư

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2017 đến ngày 30/06/2017

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như	
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 15 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 06 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 09 năm

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần tối đa không quá 3 năm.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.18 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

D.N
C
T.A
H.A
G.T.P

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thường hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thường hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thường hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất có liên quan.

2.19 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.20 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.22 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này...

02
CÔNG
PH
HẬP
BÌNH
HẢI P

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2017 đến ngày 30/06/2017

- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Tiền mặt	1.856.412.242	1.772.338.544
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.679.478.693	88.974.531.032
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	2.205.626.777	163.704.242.051
	<u><u>16.741.517.712</u></u>	<u><u>254.451.111.627</u></u>

07/30
C TY
IN
HAI
HONG

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2017 đến ngày 30/06/2017

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	11.968.540.785	11.968.540.785	17.000.000.000	17.000.000.000
Đầu tư dài hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	10.075.000.000	10.075.000.000	-	-
	22.043.540.785	22.043.540.785	17.000.000.000	17.000.000.000

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào đơn vị khác				
- Công ty Cổ phần DAP - VINACHEM	295.089.294.645	212.248.022.303	295.089.294.645	200.547.912.600
	295.089.294.645	212.248.022.303	295.089.294.645	200.547.912.600
	295.089.294.645	212.248.022.303	295.089.294.645	200.547.912.600
				Dự phòng VND
				(94.541.382.045)
				(94.541.382.045)
				(94.541.382.045)

16/01/10 - 8v



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2017 đến ngày 30/06/2017

5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
Công ty Cổ phần DAP - Vinachem	53.179.321.647	101.294.446
Công ty TNHH Hoàng Trung	28.356.655.913	31.521.655.913
Công ty TNHH TM XNK Nhật Thủy	16.966.981.350	19.749.687.889
Công ty Cổ phần DAP2 - Vinachem	32.383.503.232	30.410.278.881
Công ty Sw Intertrade Trading	25.301.114.004	24.797.359.446
Ông Nguyễn Lã Thảo		24.000.000.000
Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Đức Nguyễn	254.330.543.999	9.361.856.852
- Các khoản phải thu khách hàng khác	105.670.211.366	87.357.139.556
	<u>516.188.331.511</u>	<u>227.299.272.983</u>
b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán		
Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn	516.188.331.511	227.299.272.983
- Các khoản phải thu khách hàng khác	-	-
	<u>516.188.331.511</u>	<u>227.299.272.983</u>

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Công nghiệp Thái Nguyên	-		168.673.963.097	-
Công ty Cổ phần DAP2 - Vinachem	15.705.053.500		40.000.000.000	
Công ty CP Đầu tư AFC	-		99.701.750.000	
Công ty TNHH MTV Thương mại Hoàng Đức	-		40.000.000.000	
Công ty TNHH ET 1M xây dựng Thành Phong	574.642.120		6.610.077.049	
Công ty CP Phát triển Phân Bón Đình Vũ	34.239.321.140			
Công ty CP XNK Đức Nguyễn	78.137.386.843			
Công ty TNHH XD Dũng Huy	99.997.050.000		47.034.134.000	
Công ty CP PB Miền Nam	55.000.000.000		-	

3.D
C
ẤT NH
HỒNG B
PH

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2017 đến ngày 30/06/2017

Trả trước cho người bán khác	156.877.367.281	-	199.481.028.019	-
	<u>439.956.178.764</u>	<u>-</u>	<u>594.890.875.116</u>	<u>-</u>
b) Dài hạn				
Trả trước cho người bán khác	-	-	-	-
	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

7 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về cổ phần hóa	6.208.371.017	-	6.208.371.017	-
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-	-	-
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho tạm ứng	146.927.084	-	2.770.667.422	-
Ký cược, ký quỹ	17.651.022.521	-	12.413.023.085	-
Cho mượn	14.284.402.998	-	31.075.237.237	-
Các khoản chi hộ	-	-	-	-
Lãi ứng trước tiền hàng	-	-	-	-
Phải thu trả trước	5.347.569.979	-	3.762.650.648	-
Phải thu theo hợp đồng ủy thác xuất, nhập khẩu	606.388.889	-	-	-
Phải thu khác	232.836.629	-	2.006.017.341	-
	3.113.941.304	-	1.054.594.844	-
	<u>47.591.460.421</u>	<u>-</u>	<u>59.290.561.594</u>	<u>-</u>
b) Dài hạn				
Phải thu về cổ phần hóa	-	-	-	-
Phải thu khác	-	-	-	-
	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

8 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	738.329.899	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2017 đến ngày 30/06/2017

Nguyên liệu, vật liệu	22.022.401.253	-	24.934.087.696	-
Công cụ, dụng cụ	802.967.291	-	447.774.691	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.710.020.522	-	4.793.767.533	-
Thành phẩm	26.438.540.084	-	20.571.236.598	-
Hàng hoá	50.422.703.900	-	76.118.717.249	-
Hàng gửi đi bán	-	-	-	-
	107.134.962.949	-	126.865.583.767	-

9 . TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN**Xây dựng cơ bản dở dang**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	135.676.503.875	60.380.817.701
- Dự án Nhà máy sản xuất NPK Thủy Nguyên	2.253.587.464	205.215.302
- Dự án Kho Ngoại quan Đình Vũ	133.422.916.411	60.175.602.399
	135.676.503.875	60.380.817.701

200
 CÔNG TY
 QUẢNG BÌNH
 NG

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2017 đến ngày 30/06/2017

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá												
Số dư đầu năm	139.73.792.766	67.619.675.398	31.031.674.202	2.044.746.458	-	-	-	-	-	-	239.769.888.824	
- Mua trong kỳ	-	-	545.454.545	136.890.909	-	-	-	-	-	-	682.345.454	
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.333.836.579	-	-	550.187.000	-	-	-	-	-	-	2.189.023.579	
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
- Thanh lý, nhượng bán	(18.333.433.134)	-	-	(33.824.472)	-	-	-	-	-	-	(18.447.257.606)	
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
Số dư cuối kỳ	122.999.196.211	67.619.675.398	31.577.128.747	2.697.999.895	-	-	-	-	-	-	224.194.000.251	
Giá trị hao mòn lũy kế												
Số dư đầu năm	45.444.563.073	2.909.252.004	5.158.762.279	757.581.961	-	-	-	-	-	-	53.870.159.317	
- Khấu hao trong kỳ	3.554.073.417	2.339.488.272	1.495.382.424	163.512.895	-	-	-	-	-	-	7.752.457.008	
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
- Thanh lý, nhượng bán	(3.538.897.440)	-	-	(14.093.520)	-	-	-	-	-	-	(3.392.990.960)	
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
Số dư cuối kỳ	45.419.739.050	5.248.740.276	6.654.144.703	907.001.336	-	-	-	-	-	-	58.229.625.365	
Giá trị còn lại												
Tại ngày đầu năm	94.229.229.693	64.710.423.394	25.872.911.923	1.287.164.497	-	-	-	-	-	-	185.899.729.507	
Tại ngày cuối kỳ	76.479.457.161	62.370.935.122	24.922.984.044	1.790.998.559	-	-	-	-	-	-	165.964.374.886	

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2017 đến ngày 30/06/2017

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	86.775.441.439	45.000.000	86.820.441.439
Số dư cuối kỳ	<u>83.234.277.909</u>	<u>45.000.000</u>	<u>83.279.277.909</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	45.000.000	45.000.000
- Khấu hao trong kỳ	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối kỳ	<u>-</u>	<u>45.000.000</u>	<u>45.000.000</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	86.775.441.439	-	86.775.441.439
Tại ngày cuối kỳ	<u>83.234.277.909</u>	<u>-</u>	<u>83.234.277.909</u>

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí thuê đất tại Đình Vũ	7.772.785.980	7.867.712.010
Công cụ dụng cụ xuất dùng	235.498.831	265.819.092
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	404.429.021	758.333.335
	<u>8.412.713.832</u>	<u>8.891.864.437</u>
b) Dài hạn		
Chi phí thuê đất dài hạn Đình Vũ	280.287.076.380	314.640.611.052
Chi phí trước hoạt động/chi phí chuẩn bị sản xuất	1.697.904.381	1.423.361.624
Công cụ dụng cụ xuất dùng	2.600.990.343	6.262.202.347
Chi phí sửa chữa tài sản	5.242.215.287	2.478.768.704
Giá trị lợi thế kinh doanh khi cổ phần hóa	1.514.644.322	1.039.318.111
Chi phí thuê đất dài hạn NM NPK	6.511.431.000	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.996.033.593	909.205.913
	<u>300.850.295.306</u>	<u>326.753.467.751</u>

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty Marubeni	-	-	28.996.717.355	28.996.717.355
Công ty Cổ phần KCN Đình Vũ	378.758.912	378.758.912	153.361.399.576	153.361.399.576
CT TNHH MTV Công nghiệp hóa chất mỏ Việt Bắc - MICCO	27.958.000.000	27.958.000.000	-	-
Công ty SW Intertrade Trading	7.232.890.500	7.232.890.500	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2017 đến ngày 30/06/2017

Công ty CP đầu tư Sao Thái Dương	25.400.000.000	25.400.000.000	-	-
Phải trả các đối tượng khác	43.709.836.525	43.709.836.525	50.695.417.492	50.695.417.492
	<u>104.679.485.937</u>	<u>104.679.485.937</u>	<u>233.053.534.423</u>	<u>233.053.534.423</u>
b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán				
Phải trả người bán ngắn hạn	104.679.485.937	-	233.053.534.423	-
	<u>104.679.485.937</u>	<u>-</u>	<u>233.053.534.423</u>	<u>-</u>

0073
CÔNG
Ổ PH
NHẬP
IANG B
IANG T.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải PhòngCho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2017 đến ngày 30/06/2017
Báo cáo tài chính hợp nhất**14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	91.119.050		332.492.705		22.418.575.586		22.725.227.775		270.925.711			205.647.177
Thuế Tiêu thụ đặc biệt	-		-		-		-		-			-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	53.176.093		-		4.718.983.891		4.743.854.831		58.047.033			-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	7.553.864.080		-		12.628.559.244		309.642.353		-			4.765.052.811
Thuế Thu nhập cá nhân	-		24.131.062		34.553.120		60.672.182		1.988.000			-
Thuế Tài nguyên	-		-		-		-		-			-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-		81.403.028		1.847.247.534		1.808.657.872		21.410.338			141.403.028
Thuế bảo vệ môi trường	-		-		-		-		-			-
Các loại thuế khác	-		-		-		-		-			-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-		-		54.080.540		10.569.500		-			43.511.040
	7.678.159.223		438.026.795		41.701.999.915		29.658.624.513		352.371.082			5.155.614.056

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2017 đến ngày 30/06/2017

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Chi phí lãi vay	-	348.628.543
- Chi phí phải trả khác	-	-
	<u>-</u>	<u>348.628.543</u>

16 . PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
- Kinh phí công đoàn	137.681.562	82.057.509
- Bảo hiểm xã hội	144.005.912	
- Bảo hiểm y tế	18.402.053	
- Bảo hiểm thất nghiệp	8.098.420	
- Phải trả về cổ phần hoá	833.000.000	833.000.000
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-	-
- Phải trả lãi vay	-	-
- Tập đoàn hóa chất Việt Nam	4.739.922.009	4.739.922.009
- Liên danh Trảng Thi	1.450.920.880	1.483.411.930
- Phải trả theo hợp đồng ủy thác xuất khẩu	23.583.945.422	1.628.840.178
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.997.222.622	518.472.513
	<u>32.913.198.880</u>	<u>9.285.704.139</u>
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	32.500.000	47.500.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-	-
- Phải trả lãi vay	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	-
	<u>32.500.000</u>	<u>47.500.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2017 đến ngày 30/06/2017

17 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2017		Trong kỳ		30/06/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn Ngân hàng...	847.131.733.986	847.131.733.986	1.177.311.769.746	1.287.206.187.601	737.237.316.131	737.237.316.131
Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức(1)	310.600.000.000	310.600.000.000	492.486.245.000	428.578.745.000	374.507.500.000	374.507.500.000
Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - Chi nhánh Bắc HP(2)			120.000.000.000		120.000.000.000	120.000.000.000
Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH ⁽²⁾	55.855.500.000	55.855.500.000	36.892.387.085	91.595.435.451	1.152.451.634	1.152.451.634
Ngân hàng Maybank Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội(3)	185.096.000.000	185.096.000.000	250.603.432.107	377.699.432.107	58.000.000.000	58.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hải Phòng(4)	149.583.500.000	149.583.500.000	110.737.500.000	149.583.500.000	110.737.500.000	110.737.500.000
Ngân hàng HDBank Chi nhánh Hải Phòng			85.333.120.000	35.513.120.000	49.820.000.000	49.820.000.000
Ngân hàng Hong Leong(9)			1.138.602.465		1.138.602.465	1.138.602.465
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Phòng(5)	132.806.200.000	132.806.200.000	6.506.550.729	139.312.750.729	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội			54.292.680.200	43.042.836.456	11.249.843.744	11.249.843.744
Ngân hàng TMCP Quân Đội - PDG Lãn Ông -CN Hoàn Kiếm			11.906.306.648	2.874.888.360	9.031.418.288	9.031.418.288
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội(6)	11.626.533.986	11.626.533.986	7.234.945.512	18.861.479.498	-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2017 đến ngày 30/06/2017

Vay các cá nhân	1.564.000.000	1.564.000.000	180.000.000	144.000.000	1.600.000.000	1.600.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng						
- Vay ngắn hạn Ngân hàng...	-	-	-	-	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả ...	7.674.520.000	7.674.520.000	-	7.337.260.000	337.260.000	430.920.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hải Phòng	374.640.000	374.640.000		187.320.000	187.320.000	283.980.000
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội(6)	299.880.000	299.880.000		149.940.000	149.940.000	149.940.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	7.000.000.000	7.000.000.000		7.000.000.000	-	-
	854.806.253.986	854.806.253.986	1.177.311.769.746	1.294.543.447.601	737.574.576.131	737.574.576.131
b) Vay dài hạn						
Công ty Cổ phần XNK Đức Nguyễn(8)	140.000.000.000	140.000.000.000		-	140.000.000.000	140.000.000.000
Ngân hàng TMCP phát triển TP Hồ Chí Minh- CN Hải Phòng			10.000.000.000		10.000.000.000	10.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hải Phòng(10)	749.280.000	749.280.000			749.280.000	749.280.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Phòng(11)	160.363.825.085	160.363.825.085	54.704.687.500	5.948.512.585	209.120.000.000	209.120.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội(6)	924.630.000	924.630.000			924.630.000	924.630.000
	302.037.735.085	302.037.735.085	64.704.687.500	5.948.512.585	360.793.910.000	360.793.910.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2017 đến ngày 30/06/2017

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Cộng VND
Số dư đầu năm nay	693.299.280.000	(3.001.100.000)	7.727.786.496	80.151.676.197	49.907.031.622	828.084.674.315
Lãi/lỗ trong kỳ này	-	-	-	45.735.127.879	(1.092.948.517)	44.642.179.362
Phân phối lợi nhuận	-	-	2.034.134.904	(3.119.006.853)	-	(1.084.871.949)
Tặng khác	-	-	-	560.745.226	-	560.745.226
Giảm khác	-	(248.000.000)	-	-	(560.745.227)	(808.745.227)
Số dư cuối kỳ này	693.299.280.000	(3.249.100.000)	9.761.921.400	123.328.542.449	48.253.337.878	871.393.981.727

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND	Tỷ lệ (%)
Ông Nguyễn Thanh Bình	100.000.000.000	14,42%	100.000.000.000	14,40%
Bà Nguyễn Thị Hương	92.005.790.000	13,27%	92.005.790.000	13,24%
Ông Daniel Rodney Badger	54.679.500.000	7,89%	54.679.500.000	7,89%
Các cổ đông khác	446.613.990.000	64,42%	447.993.490.000	64,49%
	693.299.280.000	100%	694.678.780.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,

Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2017 đến ngày 30/06/2017

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
	2017	2016
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	693.299.280.000	693.299.280.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	693.299.280.000	639.999.280.000
- <i>Vốn góp tăng trong kỳ</i>	-	53.300.000.000
- <i>Vốn góp giảm trong kỳ</i>	-	-
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	693.299.280.000	693.299.280.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	44.799.949.600
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	-	44.799.949.600
- <i>Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận kỳ này</i>	-	-
d) Cổ phiếu		
	30/06/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	69.329.928	69.329.928
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	69.329.928	69.329.928
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	69.329.928	69.329.928
- <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (<i>cổ phiếu quỹ</i>)	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	69.329.928	69.329.928
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	69.329.928	69.329.928
- <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000
đ) Cổ tức		
	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
	2017	2016
	VND	VND
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:	-	44.799.949.600
- <i>Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông</i>	-	44.799.949.600
- <i>Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	-	-
	-	44.799.949.600
e) Các quỹ công ty		
	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	9.761.921.400	7.727.786.496
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
	9.761.921.400	7.727.786.496
c) Ngoại tệ các loại		
	30/06/2017	01/01/2017
- Đồng đô la Mỹ (USD)	112.374,03	1.444.931,45
- Đồng Euro (EUR)	-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2017 đến ngày 30/06/2017

19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Quý II/2017	Quý II/2016
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	917.330.167.663	1.258.472.632.933
Doanh thu cung cấp dịch vụ	44.201.490.509	5.883.692.041
Doanh thu hợp đồng xây dựng	-	-
- <i>Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong kỳ</i>	-	-
- <i>Tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng được ghi nhận đến thời điểm lập báo cáo tài chính</i>	-	-
	961.531.658.172	1.264.356.324.974
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số .)	-	-

20 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Quý II/2017	Quý II/2016
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	33.228.558.149	26.424.888.628
Giá vốn của hàng hóa đã bán	864.073.502.527	1.177.039.038.163
Trong đó: Giá vốn trích trước của hàng hóa, thành phẩm bất động sản đã bán bao gồm:		
- Hạng mục chi phí trích trước	-	-
- Giá trị trích trước vào chi phí của từng hạng mục	-	-
- Thời gian chi phí dự kiến phát sinh	-	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	5.098.439.778	17.555.368.481
Giá trị còn lại, chi phí nhượng bán, thanh lý của bất động sản đầu tư	-	-
Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư	-	-
Hao hụt mất mát hàng tồn kho	-	-
Các khoản chi phí vượt mức bình thường	-	-
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán	-	-
	902.400.500.454	1.221.019.295.272

21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Quý II/2017	Quý II/2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	880.854.036	2.638.574.090
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	3.762.426.365	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	290.298.054	2.363.676.189
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	892.367	4.303.977.069
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
	4.934.470.822	9.306.227.348

0730
NG
PH
NHẬP
ẢNG
T

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2017 đến ngày 30/06/2017

22 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý II/2017	Quý II/2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	13.356.335.326	15.224.362.952
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	319.704.000	-
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	1.411.204.469	502.166.890
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(2.737.074.503)	-
Chi phí tài chính khác	363.000	42.110.986.112
	12.350.532.292	57.837.515.954
	13.356.335.326	

23 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Quý II/2017	Quý II/2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	37.294.036	-
Chi phí nhân công	-	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	122.998.477	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.303.092.263	6.173.068.940
Chi phí khác bằng tiền	2.719.328.257	437.177.637
	6.182.713.033	6.610.246.577

24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Quý II/2017	Quý II/2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	424.335.966	121.375.370
Chi phí nhân công	2.131.941.681	5.081.660.451
Chi phí khấu hao tài sản cố định	(13.446.853)	956.032.920
Thuế, phí, lệ phí	1.524.731.221	1.830.990.398
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	111.189.039	(627.669.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	674.391.419	457.090.160
Chi phí khác bằng tiền	3.479.160.900	3.063.566.197
	8.332.303.373	10.885.046.496

25 . THU NHẬP KHÁC

	Quý II/2017	Quý II/2016
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	17.000.000.000	-
Lãi do đánh giá lại tài sản	-	-
Tiền phạt thu được	-	-
Thuế được giảm	-	-
Thu nhập từ hoa hồng đại lý không phải trả	-	-
Thu nhập khác	(264.558.891)	470.846.349

378 -
TY
IN
KHAI
BINH
PHAT

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2017 đến ngày 30/06/2017

	<u>16.735.441.109</u>	<u>470.846.349</u>
26 . CHI PHÍ KHÁC		
	Quý II/2017	Quý II/2016
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	18.595.430.176	-
Lỗi do đánh giá lại tài sản	-	-
Các khoản bị phạt	-	-
Chi phí khác	(251.828.208)	220.914.218
	<u>18.343.601.968</u>	<u>220.914.218</u>
27 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH		
	Quý II/2017	Quý II/2016
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	7.547.965.863	-
28 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ		
	Quý II/2017	Quý II/2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	26.727.928.850	23.481.680.228
Chi phí nhân công	3.153.627.441	6.181.121.525
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.833.668.884	3.968.668.775
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.267.624.688	9.877.816.398
Chi phí khác bằng tiền	8.946.329.671	120.046.502
	<u>46.929.179.534</u>	<u>43.629.333.428</u>

29 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2016 đến ngày 30/06/2016.



Trần Thị Yến Chi
Người lập



Bùi Thị Ngọc
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Hương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 29 tháng 07 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH
Số:0607/2017/PKT

Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc
*****o0o*****

Hải Phòng, ngày 29 tháng 07 năm 2017

Kính gửi : - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam

- Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh

- Căn cứ Khoản 4 điều 11 Thông tư số 155/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/10/2015.

- Căn cứ quy trình công bố thông tin của Công ty CP xuất nhập khẩu Quảng Bình.

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình (Mã cổ phiếu: QBS) xin giải trình về chỉ tiêu số 60: Lợi nhuận sau thuế trên BCTC hợp nhất quý II/2017 như sau:

Theo Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2017 đến ngày 30/06/2017 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình, tổng lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo KQHĐKD hợp nhất của Công ty đạt 28,043 tỷ đồng, tăng 50,483 tỷ đồng so với quý II/2016. Nguyên nhân được xác định cụ thể như sau:

- Tổng doanh thu Quý II/2017 của Công ty đạt 961,531 tỷ đồng, giảm 302,824 tỷ đồng tương ứng giảm 23,95% so với quý II/2016. Doanh thu hoạt động tài chính giảm 4,371 tỷ đồng so với quý II/2016, tương ứng giảm 46,98%. Thu nhập khác tăng 16,264 tỷ tương ứng tăng 3454,33% so với quý II/2016 do quý II/2017 thực hiện chuyển nhượng dự án điểm tập kết, kiểm tra hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ở biên giới thuộc khu kinh tế cửa khẩu và kho ngoại quan tại thị trấn Tà Lùng, huyện Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng.
- Tổng giá vốn hàng bán giảm 318,619 tỷ đồng, tương ứng giảm 26,09% so với Quý II/2016. Chi phí tài chính giảm 45,487 tỷ đồng tương ứng giảm 78,65% so với quý II/2016 do trong quý II/2017 Công ty đã thực hiện hoàn nhập trích lập dự phòng khoản đầu tư tài chính đối với khoản đầu tư vào Công ty CP DAP-VINACHEM là 3,241 tỷ đồng trong khi đó quý II/2016 công ty trích lập dự phòng tài chính là 43,004 tỷ.
- Vì sự tăng giảm của các chỉ tiêu trên nên Tổng lợi nhuận sau thuế quý II/2017 tăng 50,483 tỷ đồng tương ứng tăng 224,98% so với quý II/2016.



Bằng công văn này, Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Quảng Bình kính giải trình lên HOSE và UBCKNN về sự biến động của lợi nhuận sau thuế đối với Kết quả kinh doanh hợp nhất quý II/2017 của Công ty.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi
- Lưu VP



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Thanh Hương

